

Số: **332/2023/QĐST-HNGĐ**

Thanh Phú, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1961. Địa chỉ: 140/2 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Đào Hồng V, sinh năm 1966. Địa chỉ: 88/3 ấp B, xã A, huyện T, tỉnh B.

- Bị đơn Ông Lê Tấn V, sinh năm 1956. Địa chỉ: 140/2 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh B.

+ Anh Lê Diệu V, sinh năm 1992; Địa chỉ: 140/2 ấp N, xã A, huyện T, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 115 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị L và ông Lê Tấn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

2.1. Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị L và ông Lê Tấn V thuận tình ly hôn. bà Huỳnh Thị L và ông Lê Tấn V không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

2.2. Về con chung: bà L và ông V có 02 con chung Lê Thị Bích L, sinh ngày 02/9/1986 và Lê Diệu V sinh ngày 04/01/1992 đã trưởng thành, bà L và ông V không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về tài sản chung:

- Chia cho bà Huỳnh Thị L được quản lý và sử dụng các tài sản chung, cụ thể:

+ Phần đất có diện tích 986 m² (gồm ký hiệu 72 diện tích 967,4 m² và 72c diện tích 18,9 m²) thuộc một phần thửa 72 tờ bản đồ số 16 và tài sản gắn liền với đất là chuồng bò có kết cấu: trụ bê tông, tường xây gạch dày 10cm, mái tole Fibroximăng, nền láng xi măng cùng tất cả các cây trồng trên đất (dừa, đu đủ, chuối,...).

+ Phần đất có diện tích 3.457,2 m² (ký hiệu 83a) thuộc một phần thửa 83 tờ bản đồ số 17 cùng tất cả các cây trồng trên đất (nếu có).

- Chia cho ông Lê Tấn V được quản lý và sử dụng các tài sản chung, cụ thể:

+ Phần đất có diện tích 861,2 m² (gồm ký hiệu 72 diện tích 636,8 m² và 72b diện tích 224,4 m²) thuộc một phần thửa 72 tờ bản đồ số 16 và tài sản gắn liền với đất gồm: Sân đường đan không cốt thép, nhà trước (nhà một tầng, trụ đà bê tông cốt thép, tường xây gạch bao che, ngăn phòng, hoàn thiện quét vôi, không trần, nền lát gạch ceramic, mái tole Fibroximăng, nhà sau (nhà một tầng, móng dầm, trụ đà bê tông cốt thép, tường xây gạch dày 10cm, không quét vôi, không trần, nền lát gạch ceramic, mái tole Fibroximăng), nhà nấu ăn (nhà một tầng, trụ đà bê tông cốt thép, tường bao che xây gạch dày 10 cm, nền láng xi măng, mái tole Fibroximăng), mái che (trụ bê tông, mái tole, nền láng xi măng), Cổng (cổng hợp, chiều dài 9,5m, ngang 0,5m, cao 1,5m; dày 0,01m).

+ Phần đất có diện tích 2.962,6 m² (ký hiệu 83) thuộc một phần thửa 83 tờ bản đồ số 17 cùng tất cả các cây trồng trên đất (nếu có).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng diện tích, vị trí thửa đất theo quy định pháp luật. (Có họa đồ kèm theo).

- Buộc ông Lê Tấn V có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 140.000.000 đồng. Thời hạn và cách thức giao tiền như sau:

+ Vào ngày 15/4/2024 ông Lê Tấn V có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị L số tiền 60.000.000 đồng.

+ Vào ngày 15/12/2024 ông Lê Tấn V có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị L số tiền 20.000.000 đồng.

+ Vào ngày 15/6/2025 ông Lê Tấn V có nghĩa vụ giao cho bà Huỳnh Thị L số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về các tài sản chung khác gồm: 05 cái giường gỗ, 05 cái tủ gỗ, 05 tủ bằng nhựa, 26 cái thùng nhựa, 02 tủ lạnh, 01 cái tủ sắt, các vật dụng sinh hoạt trong gia đình bà L và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với một phần diện tích chuồng bò có ký hiệu 323a diện tích 15,4 m² thuộc đất thủy lợi (DTL) các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị Bích L, Lê Diệu V không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ kiện này nên không xem xét.

2.4. Về nội dung: không có.

2.5. Về chi phí tố tụng: tổng chi phí tố tụng là 9.992.000 đồng. Bà Huỳnh Thị L đồng ý chịu toàn bộ và đã quyết toán xong.

2.6. Về án phí hơn nhận và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị L và ông Lê Tấn V là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tơ